

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2021/DS-ST

Ngày: 15- 4 - 2021

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Văn Gốc**

2. Bà **Trần Thuý Kiên**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thuý Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2020/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 281/2021/TB-TA ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần B**

Địa chỉ: Lô MB 1-2, Khu công nghiệp Đ, ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Có đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Minh N** – Sinh năm 1996.

Cư trú: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông **Trương Thành C** – sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cư trú: Khu vực L, phường T, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn là anh Nguyễn Minh N trình bày:*

Ngày 23/4/2018, anh Trương Thành C bắt đầu vào làm việc tại Công ty Cổ phần B với vị trí là tài xế giao hàng. Ngày 30/10/2018, anh C có mượn tiền của Công ty 36.000.000 đồng để nộp phạt do vi phạm giao thông. Đến ngày 10/01/2019 anh C nhận lệnh đi giao hàng và thu tiền cho Công ty, khi anh C nộp lại tiền thì bộ phận kế toán kiểm tra phát hiện số tiền mà anh C nộp lại thiếu 6.992.000 đồng. Ngày 17/01/2019, anh C tạm ứng Công ty số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó anh C đã chi trả dần đến ngày 30/01/2019 thì anh C chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty, khi đó số tiền anh C còn nợ lại Công ty là 39.955.000

đồng. Anh C cam kết sẽ hoàn trả đủ số tiền nợ nói trên và số tiền anh làm thất thoát khi giao hàng là 6.992.000 đồng, tổng công là 37.947.000 đồng, hạn chót thanh toán xong là tháng 8/2019. Tuy nhiên, sau đó, anh C chỉ hoàn trả được 17.766.000 đồng, còn nợ lại số tiền 20.181.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Vì vậy, Công ty Cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh C có trách nhiệm hoàn trả số tiền 20.181.000 đồng cho Công ty.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Thành C không đến tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do có cơ sở.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền mà bị đơn còn thiếu của nguyên đơn. Đây là quan hệ “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để tham gia hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Theo Biên bản xác minh của Tòa án ngày 03/11/2020, anh Trương Thành C vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương khu vực L – phường T – Q. Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ (đây cũng là địa chỉ mà anh Công cung cấp khi ký kết hợp đồng lao động với Công ty). Tuy nhiên, anh C thường xuyên vắng mặt tại địa phương khoảng hơn 01 năm nay. Anh C cũng không có thông báo cho Công ty biết về địa chỉ mới. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ gắn với việc thực hiện nghĩa vụ, nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà pháp luật Tố tụng dân sự quy định. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 207 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai và chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp như Bản cam kết ngày 30/01/2019, Bản cam kết ngày 31/10/2018, Biên bản làm việc ngày 14/01/2019, thể hiện anh Trương Thành C có nợ tiền của Công ty B tổng cộng là

37.947.000 đồng tính đến ngày 30/01/2019. Anh C có cam kết sẽ căn trừ vào tiền lương của anh tháng 01/2019 và trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, đến ngày 10/8/2019 thì phải trả xong hết số nợ. Cũng theo Công ty B, sau đó anh C chỉ trả được cho Công ty số tiền 17.766.000 đồng, còn nợ lại số tiền 20.181.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp... Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*

Do đó, xem như khoản nợ mà Công ty B yêu cầu anh C hoàn trả là có căn cứ. Vậy nên chấp nhận để buộc anh C phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 20.181.000 đồng cho Công ty là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, tương ứng là  $05\% \times 20.181.000$  đồng = 1.009.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Lời phát biểu ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở như đã phân tích.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều: 5; 6; 26; 35; 39; 91; 92; 147; 207; 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166; 357; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Buộc anh Trương Thành C có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần B số tiền 20.181.000 đồng (*hai mươi triệu, một trăm tám mươi một ngàn đồng*).

Thời gian và phương thức thanh toán do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết khi thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nói trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Thành C phải chịu án phí là 1.009.000 đồng (*một triệu, không trăm lẻ chín ngàn đồng*).

Công ty Cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 504.500 đồng (*năm trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án Số AA/2019/012432 ngày 08 tháng 10 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Kiệt**